TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2026/HNGĐ-PT
Ngày 27/05/2026
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Thức

Các Thẩm phán: Ông Phúc An Hoành, ông Lâm Anh Luyện.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Hồng Phong, Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Đức Dân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2026/TLPT - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*.

Do bản án hôn nhân gia đình số 08/2026/HNGĐ-ST, ngày 04/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐPT-HNGĐ, ngày 11/5/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phàn Thị L**, sinh năm 1993; CCCD số: 002193004790, cấp ngày: 31/12/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Địa chỉ ĐKHKTT: Thôn T1, xã M, tỉnh Tuyên Quang; *Nơi ở hiện nay*: Số nhà 50, tổ 15, đường K, phường Y, tỉnh Tuyên Quang *(Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn*: Anh **Bàn Minh T**, sinh năm 1990; CCCD số: 002090010197, cấp ngày: 31/12/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Địa chỉ ĐKHKTT: Thôn T1, xã M, tỉnh Tuyên Quang; *Nơi ở hiện nay*: Ngõ 20 H, tổ 16 P, phường Y, tỉnh Tuyên Quang *(Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Bàn Minh T. Địa chỉ ĐKHKTT: Thôn T1, xã M, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở hiện nay: Ngõ 20 H, tổ 16 P, phường Y, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phàn Thị L trình bày: Chị và anh Bàn Minh T tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã M, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 07/6/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng ba năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nhiều lần ngoại tình, bỏ nhà đi không về, sau đó nhiều lần anh T hứa hẹn, xin lỗi và cam kết thay đổi. Chị L đã cố gắng nhẫn nhịn vì con và mong muốn giữ gìn gia đình, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ mâu thuẫn đó, chị L, anh T đã sống ly thân được khoảng ba năm. Chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị L làm đơn đề nghị Toà án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn anh Bàn Minh T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có một con chung là cháu Bàn Hồng A, sinh ngày 04/7/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Phàn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 12/01/2025, biên bản hoà giải cùng ngày, bị đơn anh Bàn Minh T trình bày: Thời gian vợ chồng chung sống cũng như việc kết hôn chị L đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh cảm thấy vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn. Do đặc thù công việc anh T thường xuyên phải đi công tác xa nhà, ngoài ra anh T còn tham các lớp học nâng cao nên việc chăm sóc con và gia đình không được chu toàn. Nay chị L làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang giải quyết ly hôn với anh, anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Bàn Hồng A, sinh ngày 04/7/2019. Do anh T không nhất trí ly hôn nên anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T không nhất trí ly hôn nên anh không đề nghị giải quyết.

Tại các biên bản xác minh ngày 26/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang với Trưởng thôn T1, xã M, tỉnh Tuyên Quang và Công an xã M, tỉnh Tuyên Quang phản ánh về tình trạng hôn nhân, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, con chung; tài sản, công nợ chung của chị Phàn Thị L và anh Bàn Minh T như sau: Chị Phàn Thị L và anh Bàn Minh T kết hôn năm 2018, đăng hộ khẩu thường trú tại thôn

T1, xã M, tỉnh Tuyên Quang, anh T công tác tại Đoàn ca múa nhạc tỉnh Tuyên Quang, chị L làm nghề tự do (làm Spa). Về mâu thuẫn vợ chồng, anh T là người mải chơi, không chịu khó làm ăn và không lo cho gia đình, vợ con. Sau khi kết hôn anh T, chị L sống cùng bố mẹ chồng tại thôn T1, xã M, tỉnh Tuyên Quang được một thời gian thì anh T chị L thuê nhà ở tại phường Y, tỉnh Tuyên Quang để làm ăn, qua phản ánh từ bố mẹ chồng chị L, anh chị T L đã sống ly thân khoảng bốn năm nay. Tại biên bản xác minh ngày 16/01/2026 của tổ trưởng dân phố tổ 15 P, phường Y, tỉnh Tuyên Quang cho biết chị L mở quán kinh doanh Spa tại tổ 15 P, phường Y, tỉnh Tuyên Quang từ tháng 9/2023 đến 27/12/2024 chị L đăng ký tạm trú tại tổ 15 P, phường Y, tỉnh Tuyên Quang cho đến nay. Trong thời gian sinh sống và kinh doanh tại tổ, chỉ có hai mẹ con chị L sống cùng nhau, không thấy chồng chị L sống cùng, anh T không đăng ký tạm trú tại địa bàn tổ 15. Theo ông Q và phản ánh của hàng xóm, nhân dân trong tổ thấy công việc và thu nhập của chị L tương đối ổn định, ước thu nhập một tháng của chị L khoảng 10.000.000đ - 15.000.000đ; biên bản xác minh ngày 16/01/2026 của hàng xóm cách chỗ chị L ở một nhà, chị G xác nhận từ tháng 9/2023 đến nay và trong suốt quá trình chị L đến kinh doanh và đăng ký tạm trú tại tổ 15 P chị G chưa thấy chồng chị L đến sinh sống cùng chị L và con gái tại số nhà 50, tổ 15 P, phường Y, tỉnh Tuyên Quang.

Vụ án đã được Toà án nhân dân khu vực 4- Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2026/HNGĐ-ST, ngày 04/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 4- Tuyên Quang quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phàn Thị L. Chị Phàn Thị L được ly hôn anh Bàn Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Hồng A, sinh ngày 04/7/2019 cho chị Phàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phàn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000746, ngày 14/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/03/2026, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Bàn Minh T kháng cáo toàn bộ bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2026/HNGĐ-ST, ngày 04/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 4- Tuyên Quang. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang - Hủy hoặc sửa bản án bản án sơ thẩm, xem xét lại các nhận định về ngoại tình, mải chơi, không chăm sóc gia đình, xem xét lại biên bản xác minh ngày 26/12/2025 và mức thu nhập cảm tính của chị L theo biên bản ngày 16/01/2026, đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con, công nhận quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu cháu Bàn Hồng A không được nuôi dạy tốt hoặc bị bạo hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Phàn Thị L vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Phàn Thị L trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T và giao cháu Bàn Hồng A, sinh ngày 04/7/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Phàn Thị L đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn anh Bàn Minh T vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Bàn Minh T giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo và trình bày: Cam kết trình bày đầy đủ ý kiến của mình trong quá trình giải quyết vụ án; để Toà án giải quyết vụ án theo hồ sơ tài liệu đã cung cấp; chấp hành mọi phán quyết, quyết định của Toà án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Bàn Minh T hợp lệ, trong hạn luật định; tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn chị Phàn Thị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bàn Minh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Tòa án sơ thẩm nhận định quan hệ hôn nhân của chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Phàn Thị L là có cơ sở để chấp nhận; về việc giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Bàn Minh T; giữ

nguyên Bản án số 08/2026/HNGĐ-ST ngày 04/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Tuyên Quang.

Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn anh Bàn Minh T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, và đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 11 tháng 3 năm 2026 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Bàn Minh T kháng cáo toàn bộ bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2026/HNGĐ-ST, ngày 04/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 4- Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của anh Bàn Minh T là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Phàn Thị L và anh Bàn Minh T. Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn chị Phàn Thị L, người kháng cáo là bị đơn anh Bàn Minh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 và khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Bàn Minh T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã M, tỉnh Tuyên Quang) nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Nguyên đơn chị L cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2021, nguyên nhân là do anh T ngoại tình nhiều lần nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Anh T trong bản tự khai cho rằng do đặc thù công việc anh T thường xuyên phải đi công tác xa nhà, ngoài ra anh T còn tham gia các lớp học nâng cao nên việc chăm sóc con và gia đình không được chu toàn, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên anh không nhất trí ly hôn.

Căn cứ vào các biên bản xác minh tại nơi cư trú của chị L, anh T tại thôn T1, xã M, tỉnh Tuyên Quang và nơi tạm trú của chị L tại tổ 15 Trần Phú, phường Y, tỉnh Tuyên Quang xác định: Vợ chồng chị L anh T không cùng chung sống khoảng 3 năm, từ khi chị L sinh sống tại tổ 15 P, phường H từ năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, vợ chồng chị L anh T đã ly thân từ năm 2024 đến nay, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh T là có căn cứ.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị L anh T có một con chung là cháu Bàn Hồng A, sinh ngày 04/7/2019, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ân cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; hiện nay chị L đang nuôi cháu Ân, qua xác minh thu nhập, công việc của chị L, thấy rằng thu nhập, công việc của chị L tương đối ổn định, đủ kiện kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ân. Xét thấy, việc tạo điều kiện về việc học tập, sinh hoạt và phát triển bình thường, quyền lợi về mọi mặt, đảm bảo được các quyền lợi cho con, đặc biệt là các điều kiện cần thiết cho sự phát triển về thể chất và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tâm lý, tinh thần của cháu Ân; cháu Ân hiện đang sinh sống ổn định cùng với chị L. Toà án cấp sơ thẩm giao cháu Bàn Hồng A cho chị Phàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp, có căn cứ.

[3.3] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Bàn Minh T đề nghị xem xét lại các biên bản xác minh và nhận định của bản án sơ thẩm về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, để giải quyết vụ án Toà án cấp sơ thẩm tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu, chứng cứ; việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ của Toà án cấp sơ thẩm đã thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm anh Bàn Văn T cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình gồm: Quyết định về việc nâng bậc lương; các văn bằng tốt nghiệp chuyên ngành Thanh nhạc, tốt nghiệp Đại học ngành đào tạo quản lý văn hoá; các Thẻ hội viên hội nhạc sỹ Việt nam, hội viên Hội văn học nghệ thuật tỉnh; các chứng chỉ chức danh nghề nghiệp trong lĩnh vực Sân khấu- điện ảnh, Văn hoá- thể thao và du lịch.Tuy nhiên những tài liệu anh T cung cấp để chứng minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con chung, trong quá trình giải quyết vụ án đã được xem xét, đánh giá tạiToà án cấp sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Bàn Minh T là không có căn cứ nên không được chấp nhận; cần giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2026/HNGĐ-ST, ngày 04/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 4- Tuyên Quang theo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên toà là phù hợp, có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo bản án của bị đơn anh Bàn Minh T không được chấp nhận, nên anh T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Bàn Minh T. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2026/HNGĐ-ST, ngày 04/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 4- Tuyên Quang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Bàn Minh T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh T đã nộp tại biên lai số 0000551 ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh Bàn Minh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/5/2026).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND khu vực 4 -Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang CS 2;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Ngọc Thức